

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23-01-2018.
V/v: “xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mười.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bé Em.

2. Bà Nguyễn Thị Hiền.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Thanh Nhã- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 508/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017 về việc: “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn X, sinh năm 1978.

Địa chỉ áp: TL, xã TĐ, huyện TH, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1985. Có mặt.

Nơi cư trú: ấp PC, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Anh X có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, đề ngày 16/11/2017.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2017, bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Trần Văn X tự nguyện sống chung vào năm 2006 và đến năm 2007 mới đi đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện TH, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 03/4/2007. Thời gian đầu anh, chị sống với nhau hạnh phúc, sau đó từ năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh, chị không sống chung với nhau, anh X sinh sống ở Kiên Giang thỉnh thoảng mới về Bến Tre thăm vợ, con mà thời gian kéo dài 10 năm nên tình cảm vợ chồng của anh chị không còn, anh chị đã ly thân đến nay đã 10 năm. Nay anh X xin ly hôn thì chị đồng ý.

Về con chung: Có 01 con tên Trần Thị Yến Nhi, sinh ngày 13/8/2007, chị xin nuôi con và không yêu cầu anh X cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại đơn cam kết giải quyết vắng mặt đề ngày 16/11/2017 nguyên đơn anh Trần Văn Xem có lời trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn X sống chung với chị Nguyễn Thị Kim H vào năm 2006, tự nguyện và đến năm 2007 mới đi đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện TH, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 03/4/2007. Thời gian đầu anh, chị sống với nhau cũng hạnh phúc, sau đó từ năm 2008 thì vợ tự ý về mẹ ruột sinh sống tại Bến Tre, còn anh thì sinh sống tại Kiên Giang, thỉnh thoảng anh mới về Bến Tre thăm vợ, con mà thời gian kéo dài 10 năm nên nay anh xác định tình cảm của giữa anh và chị H không còn nữa và anh, chị đã ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly với chị Nguyễn Thị Kim H.

Về con chung: Có 01 con tên Trần Thị Yến Nhi, sinh ngày 13/8/2007, con hiện sinh sống với chị Hồng. Anh X đồng ý để con cho mẹ nuôi, không đồng ý cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Do anh bận ở xa nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt anh, anh cam đoan sẽ không có khiếu nại gì về sau.

***/ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre phát điểm quan điểm về việc mặt hình thức và nội dung giải quyết vụ án như sau:**

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn xin ly hôn của anh Trần Văn X đối với chị Nguyễn Thị Kim H, thì anh chị có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện TH, tỉnh Kiên Giang nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Xét thấy hiện tại anh chị đã ly thân đến nay đã 10, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc anh X xin ly hôn cũng được chị H đồng ý nên yêu cầu ly hôn của anh X là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn giữa anh Trần Văn X và chị Nguyễn Thị Kim H. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Kim H trực tiếp nuôi cháu Trần Thị Yến Nhi. Ghi nhận việc chị H không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Anh X và chị H khai không có nên không xem xét giải quyết Về án hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Trần Văn X phải chịu. Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn X có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre giải quyết việc hôn nhân của anh và chị Nguyễn Thị Kim H. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 03/4/2007, Ủy ban nhân dân xã Thạnh Đông, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho anh Trần Văn X và chị Nguyễn Thị Kim H nên quan hệ hôn nhân giữa anh

Trần Văn X và chị Nguyễn Thị Kim H là hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến cuối năm 2008 cho đến nay là không hạnh phúc. Nguyên nhân do hai anh chị mỗi người sống một nơi, lâu ngày thì tình cảm không còn và anh chị đã ly thân được 10 năm. Nay anh X xác định tình cảm vợ chồng không còn với chị H nên không còn khả năng đoàn tụ. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh X và chị H đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, chị H cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn X và chị Nguyễn Thị Kim H là phù hợp theo qui định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh Trần văn X và chị Nguyễn Thị Kim H khai có 01 con tên Trần Thị Yến Nhi, sinh ngày 03/4/2007. Tại phiên tòa, chị H yêu cầu được tiếp tục là người nuôi dưỡng cháu Nhi, việc yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị H được anh X đồng ý là phù hợp theo qui định tại Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận việc nuôi con của chị và anh X, chị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nhi(phù hợp theo nguyện vọng của cháu).

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Kim H không yêu cầu anh Trần Văn Xem cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét đóng góp chi phí nuôi con đối với anh X.

[5] Về tài sản chung: Hai bên khai không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết,

[6] Về nợ chung: Anh Trần Văn X và chị Nguyễn Thị Kim H khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Ngày 16/11/2017 anh Trần Văn X có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt anh, nên Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh X theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì anh Trần Văn X phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn X và chị Nguyễn Thị Kim H.

2. Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị Kim H là người trực tiếp nuôi con chung tên Trần Thị Yến Nhi, sinh ngày 03/4/2007 . Ghi nhận chị Nguyễn Thị Kim H không yêu cầu anh Trần Văn X cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn X là người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền ngăn cản anh thực hiện

quyền này. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Hai bên khai không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Trần Văn X và chị Nguyễn Thị Kim H khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Anh Trần Văn X phải nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0013968 ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

6. Chị Nguyễn Thị Kim H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15(Mười lăm) ngày tròn kể từ ngày tuyên án; riêng anh Trần Văn X cũng được quyền kháng cáo trong thời hạn 15(Mười lăm) ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHS);
- VKSND TP. Bến Tre, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. Bến Tre, T. Bến Tre;
- UBND xã Thạnh Đông, h Tân Hiệp, t. Kiên Giang.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Thị Mười

